

# QUÝ TỘC TÔN THẤT NHÀ LÝ NHỮNG NGHIÊN CỨU BƯỚC ĐẦU

NGUYỄN THANH TUYỀN\*

## 1. Mở đầu

Quý tộc tôn thất nhà Lý là những người cùng huyết thống với hoàng đế, không phân biệt nam hay nữ, không bao gồm những người được ban quốc tính. Họ là bộ phận quan trọng nhất trong cơ cấu tầng lớp quý tộc thời Lý. Đội ngũ quý tộc tôn thất nhà Lý gồm những thành phần cơ bản sau: họ hàng bên nội của người sáng lập triều đại là Lý Thái Tổ; các hoàng tử của Lý Thái Tổ, gia quyến của họ cùng hậu duệ mang họ Lý; các hoàng tử của những hoàng đế kế vị Lý Thái Tổ, gia quyến của họ cùng hậu duệ mang họ Lý; các công chúa triều Lý.

Năm 1026, Lý Thái Tổ sai soạn *Ngọc điệp*, ghi chép về phả hệ nhà vua (1). Sách này hiện nay không còn. Sử sách cũng không lưu lại thông tin về việc tổ chức, quản lý đội ngũ quý tộc tôn thất thời này - vốn là hoạt động thường có và được tiến hành bài bản để quản lý những người thuộc dòng tộc hoàng đế. Trong các nguồn sử liệu hiện còn chỉ cho biết một số thông tin rải rác về đội ngũ tôn thất nhà Lý. Trên cơ sở hệ thống và phân tích các sử liệu rời rạc, tản mạn đó, chúng tôi bước đầu nhận diện vài nét chính yếu về đội ngũ quý tộc tôn thất nhà Lý.

Để tìm hiểu vấn đề đặt ra, chúng tôi chủ yếu dựa vào các nguồn sử liệu Việt Nam mang niên đại Lý hoặc gần với thời gian tồn tại của vương triều này. Đó là các văn

bia thời Lý; các sách: *Việt sử lược*, *Thiên uyển tập anh*, *An Nam chí lược*, *Việt điện u linh* (đều được khởi soạn trong thế kỉ XIV); sách *Thoát Hiên vịnh sử thi tập* (đầu thế kỉ XVI); sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (công trình tập đại thành của các thế hệ sử gia từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVII)...

Chúng ta không có đủ cơ sở tư liệu để biết chính xác danh từ chung chỉ đội ngũ những người đồng tộc với hoàng đế nhà Lý. Trong sử sách đời sau như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*, họ được gọi theo nhóm đối tượng là “vương hầu, công chúa”. Do vậy, để dễ dàng trong việc tìm hiểu, chúng tôi gọi chung đội ngũ những người thuộc dòng họ nhà Lý là “quý tộc tôn thất” hay “đội ngũ quý tộc tôn thất”, trong đó từ “tôn thất” hay “tông thất” là danh từ chung dưới chế độ quân chủ Việt Nam để chỉ những người thuộc hoàng tộc/hoàng gia trong một vương triều, còn từ “đội ngũ” được dùng với ý nghĩa phân định bộ phận quý tộc tôn thất với các bộ phận quý tộc khác (quý tộc quan lại, quý tộc ngoại thích...) trong cơ cấu tầng lớp quý tộc triều Lý.

## 2. Quý tộc tôn thất nhà Lý qua một vài thống kê định lượng

Tháng 11-1009, sau khi được suy tôn lên ngôi thay thế nhà Tiền Lê, lập ra nhà Lý, Lý Thái Tổ đã tiến hành định công phong thưởng cho những người có công tôn phò và cho cả những thân thích đồng tộc.

---

\*ThS. Hội Khoa học Lịch sử Tp. Hồ Chí Minh

*Đại Việt sử kí toàn thư* cho biết: “Lập sáu hoàng hậu, duy có đích phu nhân gọi là hoàng hậu Lập Giáo, quy chế xe kiệu và y phục khác hẳn với các cung khác. Sách lập con trưởng là Phật Mã làm hoàng thái tử, các con khác đều phong tước hầu. Con gái 13 người đều phong công chúa. Lấy con gái trưởng là công chúa An Quốc gả cho Đào Cam Mộc, phong Cam Mộc là Nghĩa Tín hầu. Phong hoàng huynh (anh vua) làm Vũ Uy vương, hoàng thúc (chú vua) làm Vũ Đạo vương, con Vũ Uy vương là Trưng Hiền làm Thái úy, con Dực Thánh vương là Phó làm Tổng quản...” (2).

Về nhân vật Dực Thánh vương, *Đại Việt sử kí toàn thư* không nói rõ nhưng *Việt sử lược* cho biết đây là em trai của Lý Thái Tổ (3).

Tính từ lần được ghi nhận đầu tiên khi Lý Thái Tổ mới lên ngôi, đội ngũ quý tộc tôn thất dần đông đảo theo thời gian. Họ trở thành bộ phận có đặc quyền đặc lợi riêng, gắn bó huyết tộc và được sử sách ghi chép với mức độ đậm nhạt khác nhau tùy theo đối tượng và dấu ấn để lại với đất nước.

Trong *Việt sử lược* và *Đại Việt sử kí toàn thư*, các quý tộc tôn thất nhà Lý được nhắc đến tổng cộng 105 lần (*Việt sử lược*: 20 lần, *Đại Việt sử kí toàn thư*: 85 lần). Con số này chỉ tính một đơn vị đếm đối với các sự việc được cả hai sách cùng chép và không tính các sự việc liên quan đến người về sau sẽ nối ngôi hoàng đế. Có thể chia tổng số lần được đề cập đó theo các loại hình như bảng 1.

**Bảng 1: Sự việc liên quan quý tộc tôn thất nhà Lý ghi chép trong chính sử**

Loại sự việc	Số lần	Tỉ lệ (%)
Liên quan lĩnh vực chính trị-quân sự	50	47,6
Liên quan quyền lợi, nghĩa vụ của tôn thất và chế định dành cho họ (phong tước vị, ban nhà cửa, điển lệ riêng...)	14	13,3
Quan hệ cá nhân giữa tôn thất và giữa tôn thất với hoàng đế	9	8,6
Các vấn đề khác (tôn thất sinh/mất, việc cá nhân, chỉ được đề cập rất sơ lược...)	32	30,5
<b>Tổng</b>	<b>105</b>	<b>100</b>

Nguồn: *Việt sử lược*, *Đại Việt sử kí toàn thư*.

Động thái của Lý Thái Tổ với những người thân thích vừa góp phần xác lập đội ngũ quan chức của vương triều mới vừa hình thành hạt nhân ban đầu của đội ngũ quý tộc tôn thất nhà Lý. Đó là các con trai, con gái cùng anh em bên nội của ông. Năm 1026, Lý Thái Tổ cho biên soạn *Ngọc điệp*, ghi chép về họ hàng nhà vua. Sách này nay không còn nhưng sự xuất hiện của nó đã đánh dấu một bước tiến trong quá trình xác lập và quản lí đội ngũ tôn thất dưới triều Lý.

Về số lượng quý tộc tôn thất, do thiếu thôn sử liệu và các nguồn tài liệu hiện tồn ghi chép không đầy đủ, chúng ta không thể đưa ra con số chính xác. Dựa vào *Đại Việt sử kí toàn thư*, *Việt sử lược*, *Thiên uyển tập anh*, *An Nam chí lược*, *Tây Hồ chí*, một số văn bia thời Lý, chúng tôi sơ bộ thống kê được 93 người (gồm cả hai hoàng tử Lý Dương Côn và Lý Long Tường theo ghi nhận của các nhà sử học Hàn Quốc). Chi tiết phân theo tước hiệu/chức quan như bảng 2.

**Bảng 2: Số lượng tôn thất nhà Lý phân theo tước hiệu/chức quan**

Tước hiệu	Số lượng (người)
Tước vương	21
Tước hầu	14
Công chúa	37
Khác (không rõ tước vị hay chỉ biết chức quan)	21
<b>Tổng</b>	<b>93</b>

Nguồn: *Đại Việt sử kí toàn thư, Việt sử lược, Thiên uyển tập anh, An Nam chí lược, Tây Hồ chí*, một số văn bia thời Lý liên quan.

**3. Về điển lệ, quyền lợi và nghĩa vụ của quý tộc tôn thất**

Đội ngũ tôn thất thường được phong tước vương và hầu. Hoàng tử trưởng được phong vương còn các hoàng tử khác thường được phong hầu. “Thời nhà Lý ban tước, lấy tước vương tước công đứng đầu các thân (thân tộc của vua), huân (người có công lớn)” (4). Con gái hoàng đế được phong là công chúa.

Dưới thời Lý, con trai của hoàng đế ngoài danh xưng “hoàng tử”, còn được gọi là “thái tử”. Sách *Lĩnh ngoại đại đáp* (thời Nam Tống - Trung Quốc, thế kỉ XII) có đoạn: “Mẹ và vợ (của hoàng đế) đều gọi là Hậu, các con trai đều gọi là Thái tử. Những người trong họ tộc đều gọi là Đại vương, người đứng đầu dòng họ gọi là Thừa tự, những người khác trong họ gọi là Chi tự” (5). Sách *Thiên uyển tập anh*, phần viết về Tăng thống Huệ Sinh (?-1063), có đoạn: “Các vương công khanh tướng thời bấy giờ như Phụng Càn vương, Uy Vũ, Hỉ Từ, Thiện Huệ, Chiêu Khánh, Hiển Minh Thái tử, Thượng tướng Vương Công Nhâm, Thái sư Lương Nhậm Văn, Thái bảo Đào Xử Trung, Tham chính Kiều Bồng... đều đến thỉnh vấn, mời sư chủ trì các buổi lễ” (6). Bản dịch *Thiên uyển tập anh* đối với đoạn văn trên hầu như đã sát với nguyên bản chữ Hán, ngoại trừ lược bỏ không dịch các

chữ “thiên” trong “Phụng Càn Thiên Vương”, chữ “công” đặt giữa họ và tên các nhân vật Lương Nhậm Văn, Đào Xử Trung... Chúng ta lưu ý các nhân vật đặt ở giữa Phụng Càn Vương và Thượng tướng Vương Công Nhâm chỉ được liệt kê tên mà không nói đến tước vị hay chức quan và kết thúc bằng chữ “thái tử”. Như vậy, theo văn mạch của cả đoạn, cần hiểu “thái tử” ở đây không phải chỉ dành cho người có tên/hiệu là Hiển Minh, mà là cách gọi chung của 5 vị Uy Vũ, Hỉ Từ, Thiện Huệ, Chiêu Khánh, Hiển Minh. Những vị này có lẽ đều là hoàng tử của hoàng đế đương thời - Lý Thái Tông.

Trong hàng vương hầu thuộc tôn thất, một số người có tội bị giáng xuống tước thấp hơn. Như năm 1150, sau vụ lật đổ Đỗ Anh Vũ bất thành, Trí Minh vương bị giáng làm Trí Minh hầu, Bảo Ninh hầu bị giáng xuống tước Minh tự, Bảo Thắng hầu làm Phụng chức (7).

Trong tên hiệu đi kèm với tước, các tôn thất thường được ban tên hiệu hai chữ (như Khai Quốc vương, Phụng Càn vương, Minh Đạo vương, Sùng Hiển hầu, Thành Hưng hầu...). Các công chúa cũng được ban tên hiệu gồm hai chữ (như An Quốc công chúa, Thiên Thành công chúa, Thọ Dương công chúa, Hoa Dương công chúa...).

Sử sách không cho biết quy chế ban phong tước vị, chức quan cho hậu duệ các vương hầu, công chúa cụ thể như thế nào. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, dưới thời Lý, tổ tiên của Hồ Quý Ly có người lấy Công chúa Nguyệt Địch rồi sinh ra công chúa Nguyệt Đoan (8). Như vậy, có lẽ con gái của công chúa cũng được ban hiệu là công chúa, hoặc giả vị Nguyệt Đoan này được hoàng đế yêu quý nên mới ban cho tước hiệu công chúa. Khả năng thứ hai có lẽ phù hợp hơn, bởi một vị công chúa khác - Lý Ngọc Kiều

con gái trưởng của Phụng Càn vương - vì được Lý Thánh Tông yêu mến nên nuôi trong cung và phong làm công chúa.

Sử sách lưu lại rất ít thông tin về những hậu duệ của các tôn thất nhà Lý và khi nhắc đến thường chỉ điểm qua chứ không cho biết chức tước của những người đó. Chẳng hạn, ở lần phong chức tước đầu tiên cho những người trong dòng họ, Lý Thái Tổ phong cho Lý Trưng Hiến là con của Vũ Uy vương (hoàng huynh của Thái Tổ) chức Thái úy, phong cho Lý Phó là con của Dục Thánh vương (hoàng đệ của Thái Tổ) chức Tổng quản. Lý Trưng Hiến và Lý Phó được giao các chức vụ thuộc bộ máy quan lại triều đình, nhưng còn về mặt hoàng gia, họ có được ban tước vị gì không? Quy chế tước vị, phẩm hàm của con cháu họ như thế nào? Tương tự, *Đại Việt sử kí toàn thư* từng ghi chép năm mất của hai hoàng đệ của Lý Nhân Tông (Lý Tinh và Lý Chu Cá, đều là con của Sùng Hiền hầu thân sinh của Lý Nhân Tông) nhưng cũng chỉ chép tên chứ không cho biết hai người này mang quan tước ra sao.

Bên cạnh đó, ghi chép rải rác trong *Việt sử lược* và *Đại Việt sử kí toàn thư* về một số tôn thất dưới thời Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông và Lý Anh Tông cho phép đoán định một số hậu duệ của quý tộc tôn thất đã được kế tập hoặc được phong tước vương, hầu. Hai sách trên cho biết một vài gương mặt vương hầu dưới ba triều Nhân Tông, Thần Tông và Anh Tông là Diên Thành hầu (?-1117), Trung Nghĩa hầu (?-1117), Thành Khánh hầu (?-1124), Sùng Hiền hầu (?-1130), Thành Quảng hầu, Thiệu Chiêu hầu (hai người này không rõ năm sinh, mất), Thành Đạo hầu (?-1133), Khánh Thiện hầu (?-1134), Thành Hưng hầu (?-1135), Minh Đạo vương (1132-?), An Trung hầu (dâng hươu trắng năm 1146, 1154), Trí Minh vương, Bảo Ninh hầu, Bảo Thắng

hầu (ba người này tham gia lật đổ Đỗ Anh Vũ năm 1150), Bá Đại vương (?-1152). Ngoài trường hợp Sùng Hiền hầu được ghi nhận là em trai của Lý Nhân Tông, tức hoàng tử của Lý Thánh Tông và Minh Đạo vương là hoàng tử của Lý Thần Tông thì những người còn lại đều không phải hoàng tử của ba vị hoàng đế nói trên. Lý Nhân Tông được sử sách ghi nhận không có con trai. Lý Thần Tông chỉ có ba hoàng tử (sinh năm 1132, 1136 và 1137; vị hoàng tử thứ ba không rõ tên và tước hiệu nhưng xét niên biểu của các vị vương hầu kể trên thì không phù hợp với hoàng tử này). Lý Anh Tông sinh hoàng tử trưởng năm 1151, vì vậy các vương hầu kể trên không thể là hoàng tử của ông.

Nếu 13 vị nói trên không phải là hoàng tử của các hoàng đế từ Lý Nhân Tông đến Lý Anh Tông thì họ có thể là hoàng tử của Lý Thánh Tông (cha của Lý Nhân Tông) được không? Theo *Toàn thư*, Lý Thánh Tông mãi năm 43 tuổi (năm 1066) mới có hoàng tử đầu tiên (sau này là Lý Nhân Tông), đến hai năm sau mới sinh thêm hoàng tử thứ hai (được phong Minh Nhân vương, em cùng mẹ với Nhân Tông); đến năm 1072 thì ông qua đời, tức chỉ 4 năm sau khi hoàng tử thứ hai chào đời. Có thể trong thời gian từ 1068 đến 1072 ông còn có thêm các hoàng tử khác (điển hình là Sùng Hiền hầu). Các hoàng tử sinh sau Minh Nhân vương chắc hẳn không thể quá nhiều. Đến Lý Nhân Tông thì vì không có con trai nên năm 1117 phải xuống chiếu chọn con trai của 5 hầu tước (Sùng Hiền hầu, Thành Khánh hầu, Thành Quảng hầu, Thiệu Chiêu hầu, Thành Hưng hầu) đem vào cung nuôi dưỡng (9). Nếu cho rằng cả 5 hầu tước trên đều là con của Lý Thánh Tông thì rõ ràng là không hợp lí, bởi cùng thời với họ còn nhiều người khác cũng mang tước hầu như Diên Thành hầu,

Trung Nghĩa hầu, Thành Đạo hầu... Như phân tích ở trên, các hoàng tử của Lý Thái Tông không thể nhiều như vậy. Do đó, một vài gương mặt trong số đó có thể là hoàng đệ của Lý Nhân Tông, số còn lại tất nhiên phải là hậu duệ của các hoàng tử hay thân thích đồng tộc của các đời tiền đế trước Lý Nhân Tông. Các tước vương hay hầu của họ là chứng cứ cho thấy triều Lý đã có quy chế nhất định về hệ thống tước vị của quý tộc tôn thất theo từng thế hệ khác nhau.

Điểm nổi bật là hai tước vương và hầu được sử dụng thường xuyên, ngoài ra còn có các tước vị thấp hơn như Minh tự, Đại liêu ban, Phụng chức... Điều đáng nói là tất cả tước vị từ vương, hầu đến Minh tự, Đại liêu ban... không phải chỉ dành riêng cho quý tộc tôn thất. Trên thực tế, triều Lý còn ban các tước trên cho quan lại có huân công. Hệ thống tước vị dành cho đội ngũ tôn thất tuy không phải là độc quyền nhưng tính ưu trội của hệ thống vương tước và hầu tước dành cho tôn thất vẫn là điểm độc đáo trong quy chế tước vị mà triều Lý áp dụng cho tầng lớp quý tộc và quan lại. Triều Lý còn có danh hiệu *Thân vương ban* để ban cho những người trong dòng họ. Trong *An Nam chí lược*, Lê Tắc chép khá rõ rằng: “Thân vương ban (danh tước của thân thuộc vua)” (10). Dưới thời Lý Thần Tông, Thân vương ban là Lý Lộc vì tâu đúng chuyện núi Tản Viên có hươu trắng nên được ban cho tước Đại liêu ban (11).

Cùng với tước vị, đội ngũ tôn thất còn được dành cho các quy chế riêng về trang phục, nghi vệ... Từ năm 1006, Lê Ngọa Triều cho đổi phẩm phục của các quan văn võ, đều theo như nhà Tống (Trung Quốc) (12). Quy chế mũ áo này vẫn được sử dụng ở buổi đầu triều Lý. Đến năm 1030, Lý Thái Tông mới sửa đổi quy chế mũ áo của

công hầu và văn võ nhưng chưa đầy đủ (13). Tuy vậy, mệnh lệnh của Lý Thái Tông đã đặt cơ sở để vương triều Lý từng bước hoàn thiện chế độ phẩm phục của tôn thất và quan lại các cấp.

Theo khảo cứu của Trần Quang Đức trong sách *Ngàn năm áo mũ*, trang phục của bá quan triều Lý (trong đó có đội ngũ tôn thất) từ năm 1059 trở đi gồm ba loại là Lễ phục (mặc trong dịp lễ lớn), Triều phục (mặc trong buổi Đại triều và dịp lễ nhỏ) và Thường phục (mặc trong buổi Thường triều). Lễ phục có lễ phục Cốn Miện và lễ phục Củng Thần, trong đó lễ phục Củng Thần (gồm loại mũ có tên Củng Thần) được dành cho các vương, hầu và minh tự. Trong các sắc trang phục, màu tía được xem là màu cao quý nhất. Các loại mũ đội, đai lưng, ủng chân, hốt cầm tay... thường được dát vàng (14).

Các tôn thất thường được ban cho phủ đệ riêng ở Kinh thành, ngoài phạm vi hoàng thành (Lý Thái Tông từng ra ngoài cửa Trường Quảng của Hoàng thành để xem khánh thành phủ đệ của hoàng tử (15); Diên Thành hầu có nhà gần cầu Quyết trên sông Tô Lịch (16); Bảo Quốc vương Lý Long Xưởng trong một lần được truyền gọi liền lấy thuyền nhỏ theo sông Tô Lịch vào cung (17). Một số công chúa còn được xây cất dinh thự ở xa Kinh thành như công chúa Thụy Thiên được Lý Anh Tông “làm nhà” cho ở châu Lạng (18).

Quý tộc tôn thất có gia nô, nô tì phục dịch (triều đình từng có lệnh cấm nô tì của vương hầu và các quan không được cậy thế đánh quan quân và dân chúng; năm 1081, Lý Long Xưởng đem nô lệ và gia thuộc cướp bóc bữa bãi...). Một số còn có lực lượng quân sự riêng (trường hợp các vương trong Loạn Tam vương, Khai Quốc vương, đội thân quân của Hoàng Chân hầu...).

Cùng với bổng lộc, phủ đệ và nô tì, binh lính phục vụ, tôn thất triều Lý có lẽ cũng được triều đình ban cấp ruộng đất kèm theo hộ dân trên các đơn vị đất đai tùy theo địa vị hay công trạng. Nhận định này dựa trên cơ sở chế độ ban cấp ruộng đất (ruộng thác đao, thực ấp, thực phong...) cho quý tộc, quan lại, nhất là bộ phận có nhiều công trạng, được tiến hành khá thường xuyên dưới triều Lý (19).

Về mặt nghĩa vụ với hoàng gia và nhà nước: Các tôn thất theo định kì phải vào cung chầu hầu hoàng đế (quy định thời Lý Nhân Tông và Lý Cao Tông), ban đêm không được tự ý đi lại trong cung (lệnh năm 1157 thời Lý Anh Tông). Các vương hầu, tôn thất không được để gia nô, nô tì làm trái phép nước; nếu nô tì phạm phải thì người chủ cũng liên đới trách nhiệm (20). Khi hoàng đế tuần du trong nước, tùy trường hợp mà một số vương hầu được/phải tháp tùng (21)...

Trong các sự kiện lớn của vương triều như hoàng đế nối ngôi, hoàng đế băng hà, hội thể Minh Thệ, hội thể Long Trì, thánh tiết sinh nhật của hoàng đế..., các vương hầu đều có nghĩa vụ tham dự. Hội thể Minh Thệ được đặt ra từ thời Lý Thái Tông. Hội thể Long Trì thường được tiến hành khi hoàng đế lên kế vị, chỉ dành cho các quý tộc, quan lại cao cấp nhằm thể hiện sự gắn bó vua tôi trong thời đại của tân quân.

Khi tham gia các buổi triều hội, họ phải chấp hành các điển lệ của triều đình (xưng tên khi tâu trình trước hoàng đế (22), mặc đúng phẩm phục, dùng hốt...). Cá biệt, có trường hợp hành xử trái khuôn phép như vào thời Lý Nhân Tông, Diên Thành hầu có lần vì nóng nảy giữa điện Thiên An đã dùng hốt đánh Trung Nghĩa hầu (23).

#### 4. Về sinh hoạt của quý tộc tôn thất

Một số tôn thất lấy việc sống hòa nhã, nghiên ngẫm sách vở, kết giao với kẻ sĩ làm thú vui. Lý Công Ẩn “là bậc tông thất hiền

lương triều Lý, đọc sách không chịu làm quan” (24). An Trung vương (không rõ sống dưới thời hoàng đế nào) là người “ham học, khoan nhân, ưa hỏi kẻ sĩ có danh tiếng. Kể dưới khôi hài bông lơn, đôi khi xúc phạm, cũng chẳng chạnh lòng” (25).

Một số tôn thất sống khá buông thả, phóng túng, bất chấp quy định của triều đình: Công chúa Thiên Cực hai lần quan hệ bất chính (26), Bảo Quốc vương Lý Long Xưởng đem gia nô đi trộm cướp, gây rối bữa bãi trong kinh thành (27)...

Nhiều vương hầu xem đá cầu là thú tiêu khiển. Năm 1126, Lý Nhân Tông từng ngự điện Thiên An xem các vương hầu đá cầu ở Long Trì (28). Có người thường cất công tìm kiếm và dâng lên hoàng đế các vật quý lạ như voi trắng, rùa 6 mắt (29)...

Nổi bật hơn cả là sự tôn sùng Phật giáo. Điều này được biểu hiện trên các khía cạnh sau đây.

*Thứ nhất*, tin theo giáo lí nhà Phật và thường tìm hiểu giáo lí hay tham vấn với các thiền sư danh tiếng. Các vương hầu như Phụng Càn vương, Uy Vũ, Hiển Từ, Thiện Huệ, Chiêu Khánh, Hiển Minh thường đến tham vấn với thiền sư Huệ Sinh...

Nhiều tôn thất rất mực kính trọng, tin tưởng và tìm cách thiết lập quan hệ gần gũi với các thiền sư. Diên Thành hầu quen thân với nhà sư Đại Điền (30), Sùng Hiền hầu giao du với Thiền sư Từ Đạo Hạnh và nhờ thiền sư cầu tự giúp (31). Đối với Thiền sư Từ Đạo Hạnh, “các vương tử xe ngựa ồn ào, người khắp nước hương hoa kính lễ. Ngự thư ban chiếu, vua dự tiệc chay” (32). Kiến Ninh vương và công chúa Thiên Cực rất tôn kính Thiền sư Đại Xả và tôn làm thầy (33). Một số tôn thất đã xây dựng các chùa chiền riêng và mời nhà sư có tiếng đến trụ trì (công chúa Thành Dương từng mời Thiền sư Bản Tịnh đến trụ trì chùa

Kiên An ở Thăng Long (34). Điều này vừa cho thấy sự coi trọng Phật giáo của tầng lớp quý tộc đương thời, vừa là bằng chứng cho thấy đội ngũ tôn thất đã được ban cấp đất đai, góp phần phát triển chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất dưới thời Lý.

*Thứ hai*, quyền góp tài sản để dựng chùa, đúc chuông, tô tượng... Trong việc Thiền sư Đạo Dung xây dựng chùa Khai Giác dưới thời Lý Nhân Tông, công chúa Thụy Thánh và Thái phó họ Lưu đã “tư cấp mọi vật dụng (35).

*Thứ ba*, xuất gia tu hành. Sử sách còn ghi lại ba trường hợp tôn thất triều Lý quy y Phật pháp, xuất gia tu hành và đắc đạo là Lý Công Ấn, công chúa Lý Ngọc Kiều và An Trung vương.

Về Lý Công Ấn, sách *Tây Hồ chí* (mục Tiên thích tập) cho biết: “Ông là tôn thất triều Lý, tên Công Ấn, ở Bái Ân, Giai Bố Cái, thành Thăng Long, theo nghiệp Nho. Về sau, được Thiền sư Vạn Hạnh truyền chân quyết, từ đó nổi danh về đạo học. Khi nhỏ, Việt Quốc công Ngô Thường Kiệt theo học ông. Khoảng niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo (1039-1043) đời vua Lý Thái Tông, ông hoá. Núi Trung Hàng (nay thuộc An Dương), châu Đông Ba (nay là Đông Trào) thuộc Hồng Châu hạ lộ (nay là phủ Ninh Giang) là nơi ông chứng quả. Miếu nay còn” (36).

Công chúa Lý Ngọc Kiều (1042-1113) là trưởng nữ của Phụng Càn vương Lý Nhật Trung. Bà được bác ruột là Lý Thánh Tông rất mực yêu quý nên đem vào cung nuôi dưỡng, phong làm công chúa. Khi trưởng

thành, bà được Lý Thánh Tông gả cho châu mục châu Chân Đẳng người họ Lê. Khi chồng mất, vốn sẵn lòng mộ đạo, bà xuất gia quy y. Bà trở thành đệ tử của Thiền sư Chân Không thuộc thiên phái Tì Ni Đa Lưu Chi và được đặt cho pháp danh là Diệu Nhân. Khi thành đạo, bà được Chân Không đưa đến trụ trì tại ni viện Hương Hải thuộc hương Phù Đổng, huyện Tiên Du (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Ni sư Diệu Nhân dốc lòng “tu tập giới luật, hành thiên chính định, trở thành khuôn mẫu trong hàng ni giới thời bấy giờ” (37).

An Trung vương không rõ sống dưới thời hoàng đế nào và tên thật là gì. Cơ duyên đưa ông đến với nghiệp tu hành diễn ra một cách tình cờ, được sách *An Nam chí lược* chép lại như sau: Một hôm ông “đi chơi thuyền, ban đêm đậu dưới cầu, nghe có người ca rằng:

Vũ thê thê nhi phong lãnh lãnh,  
Y trước vô thường dạ cảnh cảnh.  
Thời quang tấn tốc lão thôi nhân,  
Bách sự vô thành thùy phục tỉnh.

*Nghĩa là:*

Mưa phơi phơi, gió reo lạnh lạnh,  
Thiếu áo chắn, cảnh cạnh đêm thâu.  
Thời quang dục khách bạc đầu,  
Ai ơi! Trăm việc, việc nào nên chi?

Bèn giác ngộ, bỏ nhà đi tu, sau học đắc đạo” (38).

*(còn nữa)*

## CHÚ THÍCH

(1). Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính và chú thích, Nxb. Văn hóa Thông tin, tập I, Hà Nội, 2004, tr. 272.

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sđd, tr. 255.

(3). Theo Khuyết danh, *Việt sử lược* (quyển II), Trần Quốc Vượng dịch, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2005, tr. 74.

(4). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (Quan chức chí), Bản dịch Viện Sử học, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 627.

(5). Chu Khứ Phi, *Lĩnh ngoại đại đáp* (quyển 2: Ngoại quốc môn thượng - An Nam). Nguyên văn: 母妻皆稱后, 子皆稱太子。本族稱大王, 族長稱承嗣, 餘族稱支嗣。 (Mẫu thê giai xưng Hậu, tử giai xưng Thái tử. Bản tộc xưng Đại vương, tộc trưởng xưng Thừa tự, dư tộc xưng Chi tự), Nguồn: [http://skqs.guoxuedashi.net/wen\\_843f/20463.html](http://skqs.guoxuedashi.net/wen_843f/20463.html)

(6). Khuyết danh, *Thiên uyển tập anh* (Quyển hạ, truyện Tăng thống Huệ Sinh), Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2013, tr. 191.

(7). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, Quyển IV), sdd, tr. 393-395.

(8). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển VIII), sdd, tr. 721.

(9), (11). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển III), sdd, tr. 345, 366.

(10). Lê Tắc, *An Nam chí lược* (quyển 14), Bản dịch Ủy ban phiên dịch sử liệu (Viện Đại học Huế), Nxb. Lao động và Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2009, tr. 238.

(12). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển I), sdd, tr. 245.

(13). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 287. Quy chế này chưa hoàn thiện nên các triều hoàng đế về sau như Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông tiếp tục ban hành các quy định để bổ sung.

(14). Theo Trần Quang Đức, *Ngàn năm áo mũ - Lịch sử trang phục Việt Nam giai đoạn 1009-1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013, tr. 71-82.

(15). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển II), sdd, tr. 288. Sự kiện này xảy ra vào năm 1033.

(16). Theo *Thiên uyển tập anh* (Quyển hạ, truyện về Thiên sư Từ Đạo Hạnh), sdd, tr. 179.

(17). Theo *Việt sử lược* (Quyển III), sdd, tr. 155.

(18). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển IV), sdd, tr. 391. Sự kiện này xảy ra vào năm 1147.

(19). Một số quý tộc và quan lại điển hình được ban cấp như Lê Phụng Hiểu (thời Lý Thái Tông), Lý Thường Kiệt (thời Lý Nhân Tông), Dương Cảnh Thông (thời Lý Nhân Tông), Đỗ Anh Vũ (thời Lý Anh Tông), Lý Bất Nhiễm (thời Lý Huệ Tông)...

(20). Chẳng hạn: năm 1129, Lý Thần Tông ban chiếu quy định rằng “nô tì của vương hầu và các quan không được cày thế đánh quan quân và nhân dân, kẻ nào phạm thì gia chủ phải tội đồ, kẻ nô sung làm quan nô” (*Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển III), sdd, tr. 368).

(21). Chẳng hạn: trong một lần Lý Nhân Tông tuần du đến Thanh Hoá, nhiều tôn thất đã đi theo. Văn bia Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh cho biết: “Tháng Hai năm Bính Thân niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ bảy (1116), nhà vua ngự giá tuần du phương Nam. Đến châu Ái, liên buộc thuyền rồng, tạm dừng nghỉ trượng. Cờ xí rợp đất, vũ vệ loà mây. Hội chư hầu với nhiều lễ nghi, đặt phương bá ứng với thứ bậc” (Pháp Bảo, “Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh”, in trong Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì dịch chú và giới thiệu), *Văn bia thời Lý*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010, tr. 129). “Phương bá” ở đây được dùng để chỉ các vương hầu, khanh tướng đi cùng hoàng đế.

(22). Xưng danh tính, quan tước là quy định bắt buộc dành cho quan lại triều Lý khi tâu trình trước hoàng đế. Một số nhân vật vì được yêu mến hay có huân công được miễn thực hiện thủ tục này, xem như ân sủng mà hoàng đế dành cho họ (chẳng hạn: năm 1216, vì có nhiều công lao, Trần Tự Khánh được Lý Huệ Tông phong chức Thái úy và

cho phép “khi xưng lễ không phải gọi tên” - *Việt sử lược* (quyển III), sdd, tr. 194).

(23). Theo *Việt sử lược* (quyển II), sdd, tr. 110.

(24). Khuyết danh, *Tây Hồ chí*, Trần Thanh Đạm dịch, in trong Nhiều tác giả, *Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long, tập I*, Nxb. Văn hoá Thông tin và Thời báo Kinh tế Việt Nam, Hà Nội, 2007, tr. 107.

(25). *An Nam chí lược* (quyển 15), sdd, tr. 254.

(26). Theo *Việt sử lược* (quyển III), sdd, phần biên niên về năm 1209 và năm 1211.

*Việt sử lược* từng 4 lần nhắc đến công chúa Thiên Cúc, sớm nhất là vào năm 1167. Có người cho rằng thời Lý chỉ có một công chúa Thiên Cúc và cả 4 lần *Việt sử lược* nhắc đến đều là nói về vị công chúa này. Xét lại các ghi chép của *Việt sử lược*, chúng tôi thấy rằng triều Lý không chỉ có duy nhất một công chúa với tên hiệu Thiên Cúc. Năm 1167, Lý Anh Tông gả công chúa Thiên Cúc cho châu mục Lạng Châu là Hoài Trung hầu. Năm 1209, công chúa Thiên Cúc tư thông với viên quan tên Phạm Du. Năm 1211, lại tư thông với Thái úy Tô Trung Tự ngay giữa Kinh thành Thăng Long: “Trung Tự đang đêm sang phủ đệ Gia Lâm cùng công chúa Thiên Cúc tư thông, bị chồng công chúa là Quan Nội Hầu Vương Thượng giết”. Như vậy, công chúa Thiên Cúc phạm lỗi quan hệ bất chính là vợ của Quan Nội Hầu Vương Thượng và sống tại phủ đệ Gia Lâm trong Kinh thành Thăng Long chứ không phải công chúa Thiên Cúc đang sống ở Lạng Châu với phò mã là Hoài Trung hầu. Công chúa Thiên Cúc ở Lạng Châu tuy xa kinh đô nhưng cũng bị biến loạn làm ảnh hưởng: Năm 1212, tướng của Trần Tự Khánh đem quân đánh Lạng Châu và cướp lấy tài vật của nhà công chúa Thiên Cúc rồi rút về.

Những ghi chép rõ ràng của *Việt sử lược* về công chúa Thiên Cúc với hai phò mã khác nhau, hai nơi sinh sống khác nhau cho phép nhận định: không thể đồng nhất các ghi chép đó đều chỉ chung một người và thời Lý ít nhất có hai vị công chúa cùng mang tên hiệu Thiên Cúc - một sống ở Lạng Châu và một sống ở Thăng Long.

(27). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển IV), sdd, tr. 410. Sự việc này xảy ra vào năm 1181.

(28). Theo *Việt sử lược*, sdd, tr. 117.

(29). Chẳng hạn: Theo *Việt sử lược* (quyển II), sdd, thì năm 1106, công chúa Thiên Thành dâng lên Lý Nhân Tông hai con voi trắng (tr. 111); năm 1124, công chúa Thụy Thánh dâng lên Lý Nhân Tông con rùa có 6 mắt, trên ngực có 4 chữ “quốc thổ an ninh” (tr. 117). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển IV), sdd, thì vào năm 1146 và 1154, An Trung Hầu đều dâng lên Lý Anh Tông con hươu màu trắng (tr. 390, 397).

(30), (33), (34). Theo *Thiên uyển tập anh* (Quyển hạ, truyện về Thiên sư Từ Đạo Hạnh), sdd, tr. 179, 108, 97.

(31). Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển III), sdd, tr. 341.

(32). Sa môn Thích Huệ Hưng, “Thiên Phúc tự hồng chung minh văn”, in trong *Văn bia thời Lý*, sdd, tr. 106-107

(35). Khuyết danh, “Càn Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh”, in trong *Văn bia thời Lý*, sdd, tr. 202.

(36). *Tây Hồ chí*, sdd, tr. 124.

(37). *Thiên uyển tập anh* (Quyển hạ-Thiên phái Tì Ni Đa Lưu Chi, truyện Ni sư Diệu Nhân), sdd, tr. 213.

(38). *An Nam chí lược* (quyển 15), sdd, tr. 254.